TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/DS-ST
Ngày: 13 - 11 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG TỈNH LONG AN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Trình Văn Út.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Hiền.
Ông Phan Văn Truyện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2019/TLST-DS ngày 27/8/2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2019/QĐXX-ST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành H, sinh năm: 1962; Địa chỉ cư trú: Nhà số 263, ấp O, xã B, thị xã K, tỉnh L (có mặt).

Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm: 1984; Địa chỉ cư trú: Nhà số 108, ấp O, xã B, thị xã K, tỉnh L (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thành H và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thành H trình bày: Vào ngày 16/3/2019 bà T có vay của ông số tiền là 80 triệu đồng. Thời hạn vay 01 tháng trả, mục đích vay để giải quyết việc gia đình, khi vay có làm biên nhận vay, không thế chấp, cầm cố tài sản gì. Số nợ này ông H đã yêu cầu bà T thanh toán nhưng bà T kéo dài đến nay. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền gốc là 80.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và yêu cầu bà T trả một lần trong thời gian sớm nhất. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Sau khi nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thành H,Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết theo quy định. Tại biên bản hòa giải ngày 19 tháng 9 và ngày 23 tháng 10 năm 2019 bà T thừa nhận có vay của ông H 80.000.000 đồng đến nay chưa thanh

toán. Nay ông H khởi kiện yêu cầu bà trả gốc 80.000.000 đồng bà đồng ý trả, nhưng xin ông H cho trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi tất nợ, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn không trả một lần cho ông H được. Do hai bên đương sự chỉ thống nhất thỏa thuận được số nợ phải thu phải trả, còn phương thức thanh toán hai bên không thỏa thuận được nên cuộc hòa giải không thành. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ông Nguyễn Thành H khởi kiện bà Lê Thị T, sinh năm: 1984; Địa chỉ cư trú: Nhà số 108, ấp O, xã B, thị xã K, tỉnh L. Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208 và 205 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ông Nguyễn Thành H khởi kiện bà Lê Thị T yêu cầu trả số tiền gốc vay là 80.000.000 đồng được xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa ông Nguyễn Thành H yêu cầu bà Lê Thị T trả số tiền gốc vay là 80.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả một lần trong hạn sớm nhất. Xét thấy, yêu cầu của ông H là hoàn toàn tự nguyện, có chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 91, 93, 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự (là biên nhận nợ) và được bà T thừa nhận nợ, đồng ý trả nợ nhưng xin ông H cho trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi tất nợ. Vì vậy, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành H. Xử buộc bà Lê Thị T trả cho ông Nguyễn Thành H số tiền gốc vay 80.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

[2] Tại phiên tòa bà Lê Thị T thừa nhận và đồng ý trả nợ cho ông H số tiền gốc vay 80.000.000 đồng, nhưng xin ông H cho trả dần hàng tháng mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi tất nợ. Xét thấy, yêu cầu xin trả dần của bà T không được ông H đồng ý nên không được xem xét.

[3] Về án phí: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Bà Lê Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành H đối với bà Lê Thị T.

Xử buộc bà Lê Thị T phải trả cho ông Nguyễn Thành H số tiền gốc vay là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc bà Lê Thị T phải chịu 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả lại ông Nguyễn Thành H 2.116.000 đồng (hai triệu một trăm mười sáu ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0007257 ngày 21/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trình Văn Út